

Số: 35/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Phương H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường H, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường H, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị Phương H và anh Nguyễn Trọng T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Võ Thị Phương H và anh Nguyễn Trọng T công nhận vợ chồng 03 người con chung là Nguyễn Trọng Thiện Q, sinh ngày 17/3/2002; Nguyễn Võ Anh T1, sinh ngày 02/7/2007; Nguyễn Võ Bảo T2, sinh ngày 14/5/2011. Đối với cháu Nguyễn Trọng Thiện Q và Nguyễn Võ Anh T1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) ở với ai do các cháu tự quyết định, chị Võ Thị Phương H và anh Nguyễn Trọng T

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Võ Thị Phương H và anh Nguyễn Trọng T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Võ Bảo T2 cho chị Võ Thị Phương H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Võ Bảo T2 trưởng thành (đủ 18 tuổi)

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Phương H và anh Nguyễn Trọng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Phương H và anh Nguyễn Trọng T thỏa thuận chị Võ Thị Phương H chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị Phương H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003752 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả lại cho chị Võ Thị Phương H số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- UBND phường Hương Thủy, TP Huế
(ĐKKH ngày 25/6/2002 tại
UBND xã Thủy Châu cũ);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng

